VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]
Hướng dẫn về hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế

Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 51/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2017.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Điều 20 của Luật Quản lý thuế ngày 29/11/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.[2]

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2012.

- Thông tư số 51/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2017.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư nêu trên.

[2] Thông tư số 51/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 26/11/2006, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế (sau đây gọi chung là đại lý thuế).

b) Người dự thi lấy chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

c) Nhân viên đại lý thuế hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế (sau đây gọi chung là nhân viên đại lý thuế).

d) Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ của đại lý thuế.

e) Công chức thuế, cơ quan thuế các cấp.

2. Thông tư này không áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Người nộp thuế tự làm thủ tục về thuế.

b) Đại lý Hải quan làm thủ tục về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định của pháp luật quy định về điều kiện đăng ký và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Một số từ ngữ trong Thông tư này được hiểu như sau:

1. "Dịch vụ làm thủ tục về thuế" là hoạt động của đại lý thuế thực hiện các thủ tục đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, lập hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế và các thủ tục hành chính thuế khác thay người nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và hợp đồng dịch vụ đã ký kết.

2. "Nhân viên đại lý thuế" là người có chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế do Tổng cục Thuế cấp, làm việc cho đại lý thuế và hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 117/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 19/7/2012 hướng dẫn về hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế (sau đây gọi tắt là Thông tư số 117/2012/TT-BTC) như sau:"

3.[3] "Đại lý thuế": là doanh nghiệp, chi nhánh của doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện để kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. "Người dự thi" là người Việt Nam hoặc người nước ngoài được phép cư trú tại Việt Nam từ một (01) năm trở lên có đủ các điều kiện dự thi quy định tại Điều 11 Thông tư này.

Chương II
NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Điều 3. Nhân viên đại lý thuế

1. Nhân viên đại lý thuế phải có đủ các điều kiện sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài được phép cư trú tại Việt Nam.

b) Có chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế do Tổng cục Thuế cấp.

c) Là thành viên sáng lập hoặc có hợp đồng lao động làm việc trong tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế.

2. Tại một thời điểm, người có chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế chỉ được hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế tại một (01) đại lý thuế.

3. Đại lý thuế chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kiểm tra, xác nhận các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này đối với nhân viên đại lý thuế.

Điều 4. Các đối tượng không được làm nhân viên đại lý thuế

1. Người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù.

3. Người có hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hải quan, kiểm toán bị xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn một (01) năm, kể từ ngày có quyết định xử phạt.

4. Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

5. Cán bộ, công chức thôi giữ chức vụ nhưng đang trong thời gian quy định không được kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 102/2007/NĐ-CP ngày 14/6/2007 của Chính phủ về việc quy định thời hạn không được kinh doanh trong

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 51/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2017.

lĩnh vực trách nhiệm quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức sau khi thôi giữ chức vụ.

6. Các trường hợp bị thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của nhân viên đại lý thuế

1. Trực tiếp thực hiện các thủ tục về thuế trong phạm vi hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế đã ký giữa đại lý thuế và người nộp thuế.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng, quản lý chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế theo quy định.

3. Giữ bí mật thông tin cho tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ của đại lý thuế.

4. Tham dự các lớp đào tạo, tập huấn về chính sách thuế, thủ tục về thuế do cơ quan thuế tổ chức hoặc các lớp đào tạo, cập nhật kiến thức do hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đã đăng ký và được Tổng cục Thuế công nhận.

Chương III
ĐẠI LÝ THUẾ

Điều 6.[4] (được bãi bỏ)

Điều 7. Hồ sơ, thủ tục đăng ký đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế đối với đại lý thuế

1.[5] Trước khi hoạt động, đại lý thuế phải lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị cấp "Xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế" gửi Cục Thuế nơi đại lý thuế đóng trụ sở chính; Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế (theo Mẫu số 01A ban hành kèm theo Thông tư này).

- Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có xác nhận của đại lý thuế).

- Bản chụp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế của các nhân viên đại lý thuế (có xác nhận của đại lý thuế).

---

[4] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 51/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2017.

[5] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 51/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2017.

2. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế của đại lý thuế

- Trường hợp hồ sơ đăng ký đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế của đại lý thuế được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đăng ký đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế của đại lý thuế được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

- Trường hợp hồ sơ đăng ký đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế của đại lý thuế được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

- Trường hợp cần bổ sung hồ sơ, cơ quan thuế phải thông báo cho đại lý thuế ngay trong ngày nhận hồ sơ đối với trường hợp trực tiếp nhận hồ sơ; trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc thông qua giao dịch điện tử.

3.[6] Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Thuế kiểm tra đối chiếu thông tin đăng ký ngành nghề kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế của doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cục Thuế cấp "Xác nhận đủ điều kiện hoạt động đại lý thuế" (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 117/2012/TT-BTC) đối với doanh nghiệp đủ điều kiện; trường hợp không đủ điều kiện thì Cục Thuế có văn bản trả lời doanh nghiệp.

Trong thời hạn một (01) ngày làm việc kể từ ngày ký "Xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế" cho đại lý thuế, Cục Thuế đăng tải công khai danh sách đại lý thuế đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế trên Trang thông tin điện tử của Cục Thuế và gửi thông tin qua mạng giao dịch nội bộ ngành thuế cho Tổng cục Thuế để đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

---

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 51/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2017.

Điều 8. Quyền và trách nhiệm của đại lý thuế

1. Quyền của đại lý thuế

Khi thực hiện hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế, đại lý thuế có quyền như sau:

a) Được thực hiện các thủ tục về thuế theo hợp đồng đã ký với người nộp thuế.

b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp thuế cung cấp đầy đủ, chính xác các chứng từ, hồ sơ, tài liệu và thông tin cần thiết liên quan tới việc làm thủ tục về thuế theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên.

c) Được thực hiện các quyền của người nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và theo hợp đồng đã ký với người nộp thuế.

d) Đại lý thuế được cơ quan thuế các cấp hỗ trợ:

- Cung cấp, hướng dẫn cài đặt và sử dụng các phần mềm thực hiện thủ tục thuế điện tử.

- Được mời tham dự các lớp đào tạo, tập huấn các nội dung, quy định về chính sách thuế, thủ tục về thuế do cơ quan thuế tổ chức.

2. Trách nhiệm của đại lý thuế

a) Ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân nộp thuế

- Đại lý thuế đã được cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế và có tên trong danh sách đại lý thuế đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế mới được thực hiện ký hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế.

- Đại lý thuế phải lập hợp đồng bằng văn bản với tổ chức, cá nhân nộp thuế về phạm vi công việc thủ tục về thuế được ủy quyền, thời hạn được ủy quyền, trách nhiệm của các bên và các nội dung khác do hai bên thỏa thuận và được ghi trong hợp đồng không trái với quy định của pháp luật.

b) Khai, ký tên, đóng dấu trên tờ khai thuế, hồ sơ thuế, chứng từ nộp thuế, hồ sơ quyết toán thuế, hồ sơ hoàn thuế, hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Cung cấp chính xác, kịp thời theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế các tài liệu, chứng từ để chứng minh tính chính xác của việc khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, đề nghị số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm, số tiền thuế được hoàn của người nộp thuế.

d) Không được thông đồng với công chức quản lý thuế, người nộp thuế để trốn thuế, gian lận thuế. Trường hợp đại lý thuế có hành vi thông đồng với người nộp thuế hoặc tự thực hiện các hành vi trốn thuế, khai thiếu thuế, vi phạm thủ tục về thuế thì người nộp thuế vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung sai phạm trên. Đại lý thuế phải liên đới chịu trách nhiệm và phải chịu bồi thường cho tổ chức, cá nhân nộp thuế theo hợp đồng đã ký kết với tổ chức, cá nhân nộp thuế.

đ) Giữ bí mật thông tin cho tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ của đại lý thuế. Trường hợp tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ của đại lý thuế có đủ bằng chứng về việc đại lý thuế không thực hiện đúng trách nhiệm này, gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân nộp thuế thì kiến nghị Cục Thuế đình chỉ hoạt động của đại lý thuế và đại lý thuế phải chịu bồi thường cho tổ chức, cá nhân nộp thuế theo hợp đồng đã ký kết với tổ chức, cá nhân nộp thuế.

e) Đại lý thuế có trách nhiệm báo cáo với cơ quan thuế trong các trường hợp sau:

- Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế và các thông tin cần thiết khác phục vụ cho hoạt động quản lý khi cơ quan thuế yêu cầu bằng văn bản.

- Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày thay đổi danh sách nhân viên đại lý thuế, đại lý thuế phải thông báo cho Cục Thuế quản lý thuế trực tiếp, bao gồm:

+ Danh sách nhân viên đại lý thuế mới được tuyển dụng theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

+ Danh sách nhân viên đại lý thuế vi phạm quy định tại Khoản 2, Điều 17 Thông tư này hoặc thuyên chuyển, nghỉ việc, nghỉ hưu, chết hoặc không đủ điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

Cục Thuế gửi thông báo của đại lý thuế về danh sách nhân viên đại lý thuế thay đổi qua mạng giao dịch điện tử nội bộ ngành thuế cho Tổng cục Thuế trong thời hạn một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của đại lý thuế. Tổng cục Thuế có trách nhiệm đăng tải danh sách nhân viên đại lý thuế thay đổi trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong thời hạn một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo danh sách nhân viên đại lý thuế thay đổi do Cục Thuế gửi.

Chương IV
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÀNH NGHỀ CỦA ĐẠI LÝ THUẾ

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan thuế các cấp

1. Tổng cục Thuế

a) Xây dựng, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về dịch vụ làm thủ tục về thuế.

b) Chỉ đạo cơ quan thuế các cấp thực hiện quản lý, giám sát hoạt động của các đại lý thuế và nhân viên đại lý thuế.

c) Ban hành, phổ biến, chỉ đạo và tổ chức thực hiện quy chế đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức hàng năm, quy chế thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

d) Xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo hai (02) môn thi quy định tại Khoản 1, Điều 13 Thông tư này đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và quản lý việc tổ chức ôn thi cho người dự thi.

đ) Tổ chức thi và cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

e) Thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế đối với nhân viên đại lý thuế vi phạm pháp luật và thông báo cho cơ quan thuế các cấp biết.

g) Quản lý thống nhất, đăng tải công khai danh sách đại lý thuế và nhân viên đại lý thuế trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, bao gồm:

- Danh sách đại lý thuế đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế, nhân viên hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

- Danh sách đại lý thuế bị đình chỉ hoạt động, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động; nhân viên đại lý thuế bị đình chỉ, bị thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

- Nội dung công khai bao gồm: Tên đại lý thuế, địa chỉ trụ sở chính, mã số thuế, năm thành lập, số điện thoại, người đại diện theo pháp luật, danh sách nhân viên đại lý thuế, số chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế và các thông tin cần thiết khác có liên quan đến đại lý thuế, nhân viên đại lý thuế.

h) Tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động hàng năm của các nhân viên đại lý thuế, các đại lý thuế; xây dựng các giải pháp hỗ trợ phát triển các đại lý thuế.

2. Cục Thuế các tỉnh, thành phố

a) Quản lý, theo dõi, giám sát hoạt động của các đại lý thuế, nhân viên đại lý thuế; hướng dẫn, hỗ trợ đại lý thuế về chính sách pháp luật thuế, thủ tục về thuế, tập huấn các nội dung, quy định về chính sách thuế, thủ tục về thuế; hướng dẫn cài đặt và sử dụng các phần mềm thực hiện thủ tục thuế điện tử; khen thưởng, xử lý vi phạm đối với các đại lý thuế, nhân viên đại lý thuế.

b) Tổ chức hoặc phối hợp với các hội nghề nghiệp hoặc cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đã đăng ký và được Tổng cục Thuế công nhận tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chính sách thuế, thủ tục về thuế, kế toán cho người dự thi lấy chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

c) Tiếp nhận và quản lý hồ sơ đăng ký đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế của đại lý thuế; cấp giấy xác nhận đại lý thuế đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế.

d) Đình chỉ hoạt động dịch vụ làm thủ tục về thuế đối với đại lý thuế vi phạm pháp luật và thông báo cho cơ quan thuế các cấp biết.

đ) Đình chỉ hành nghề nhân viên đại lý thuế đối với nhân viên đại lý thuế vi phạm pháp luật và thông báo cho cơ quan thuế các cấp biết.

e) Công khai danh sách đại lý thuế, nhân viên đại lý thuế tại trụ sở cơ quan thuế; kịp thời gửi các thông tin liên quan đến đại lý thuế, nhân viên đại lý thuế theo quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 9 để Tổng cục Thuế đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

g) Tạo thuận lợi cho đại lý thuế khi đại lý thuế được người nộp thuế ủy quyền thực hiện các giao dịch với cơ quan thuế.

h) Thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm trong việc chấp hành pháp luật và các quy định của Thông tư này đối với các đại lý thuế, nhân viên đại lý thuế hành nghề trên địa bàn theo thẩm quyền. Trường hợp vi phạm ở mức phải thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 17 Thông tư này thì Cục Thuế báo cáo Tổng cục Thuế xử lý theo quy định.

Điều 10. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đại lý thuế

1. Ký hợp đồng với đại lý thuế về phạm vi ủy quyền, trách nhiệm của mỗi bên. Thực hiện các quyền và trách nhiệm theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký với đại lý thuế.

2. Cung cấp đầy đủ, chính xác các chứng từ, hồ sơ, tài liệu và thông tin cần thiết liên quan tới việc làm thủ tục về thuế theo hợp đồng đã ký với đại lý thuế.

3. Chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước khi đại lý thuế thực hiện lần đầu các công việc thủ tục về thuế nêu trong hợp đồng, người nộp thuế phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế biết về việc sử dụng dịch vụ làm thủ tục về thuế và gửi kèm theo bản chụp hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế có xác nhận của người nộp thuế.

Chương V
TỔ CHỨC THI, CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Điều 11. Điều kiện dự thi

Người dự thi lấy chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế phải có các điều kiện sau:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 6 Điều 4 về các đối tượng không được làm nhân viên đại lý thuế quy định tại Thông tư này.

2.[7] Có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên thuộc các ngành kinh tế, thuế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, luật hoặc các chuyên ngành khác và có tổng số đơn vị học trình (hoặc tiết học) các môn học về tài chính, kế toán, kiểm toán, phân tích hoạt động tài chính, thuế từ 7% trên tổng số học trình (hoặc tiết học) cả khóa học trở lên và đã có thời gian làm việc trong lĩnh vực này từ đủ hai (02) năm trở lên tính từ thời gian tốt nghiệp ghi trên quyết định hoặc văn bằng tốt nghiệp đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

3. Nộp đầy đủ hồ sơ dự thi theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Điều 12. Hồ sơ dự thi

1. Hồ sơ đăng ký dự thi lần đầu để lấy chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, người dự thi nộp một (01) bộ hồ sơ, bao gồm:

a) Đơn đăng ký dự thi theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

---

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 51/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2017.

b) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

c) Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành quy định (bản sao có chứng thực).

d) Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (đối với người nước ngoài) (bản sao có chứng thực).

đ) Một (01) ảnh mầu cỡ 3 x 4 và hai (02) ảnh mầu cỡ 4 x 6 chụp trong thời gian sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự thi; hai (02) phong bì có dán tem và ghi rõ họ, tên, địa chỉ người nhận thông báo thi, lịch thi, kết quả thi.

e) Giấy xác nhận số năm công tác chuyên môn của đơn vị mà người dự thi đã công tác tại đó hoặc sổ bảo hiểm xã hội của người dự thi (bản sao có chứng thực).

g) Các giấy tờ theo quy định được miễn môn thi (nếu có).

2. Hồ sơ đăng ký dự thi lại các môn thi chưa đạt hoặc đăng ký thi các môn chưa thi, người dự thi nộp một (01) bộ hồ sơ, bao gồm:

a) Đơn đăng ký dự thi theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Bản chụp không yêu cầu chứng thực chứng nhận điểm thi do Hội đồng thi thông báo (theo mẫu số 07 hoặc mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư này).

c) Một (01) ảnh mầu cỡ 3 x 4 và hai (02) ảnh mầu cỡ 4 x 6 chụp trong thời gian sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự thi; hai (02) phong bì có dán tem và ghi rõ họ, tên, địa chỉ người nhận thông báo thi, lịch thi, kết quả thi.

3. Hồ sơ dự thi được nộp trực tiếp tại Tổng cục Thuế hoặc nộp qua đường bưu chính.

4. Khi nhận hồ sơ dự thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, nếu kiểm tra thấy hồ sơ không đủ, đúng theo quy định thì Tổng cục Thuế phải thông báo cho người dự thi ngay khi nhận hồ sơ đối với trường hợp trực tiếp nhận hồ sơ; trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đối với trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính.

Điều 13. Tổ chức thi, cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế

1. Nội dung thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế bao gồm:

a) Môn thi thứ nhất: Pháp luật về thuế

Nội dung môn thi Pháp luật về thuế bao gồm Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt,

thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, các loại thuế khác; phí và lệ phí; Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Môn thi thứ hai: Kế toán (kiến thức thi tương đương với trình độ cao đẳng)

Nội dung môn thi kế toán bao gồm: Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành; các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Người dự thi có thể tham gia các lớp ôn thi do cơ quan thuế, các hội nghề nghiệp hoặc các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đã đăng ký và được Tổng cục Thuế công nhận tổ chức theo chương trình thống nhất do Tổng cục Thuế quy định.

2. Hình thức thi: Thi viết, thi trắc nghiệm hoặc thi vấn đáp; thời gian cho mỗi môn thi phụ thuộc vào hình thức thi từ 30 phút đến 180 phút.

3.[8] Tổ chức thi:

a) Tổng cục Thuế thành lập Hội đồng thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế. Hội đồng thi lựa chọn, quyết định đơn vị tổ chức thi, hướng dẫn cụ thể về điều kiện dự thi (nếu cần) và thực hiện những công việc cần thiết khác để tổ chức kỳ thi.

b) Thời gian tổ chức thi: Hội đồng thi tổ chức thi hàng năm; mỗi năm tổ chức ít nhất hai (02) kỳ thi.

Trước ngày thi tuyển ít nhất sáu mươi (60) ngày, Hội đồng thi thông báo chính thức trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và trên các phương tiện thông tin đại chúng về điều kiện, tiêu chuẩn, thời gian, địa điểm thi và các thông tin khác liên quan đến kỳ thi.

Trước ngày thi tuyển ít nhất mười lăm (15) ngày, Hội đồng thi phải thông báo cho thí sinh dự thi các nội dung gồm: số báo danh, môn thi tham dự, thời gian thi, địa điểm thi và các thông tin khác có liên quan.

Trước ngày thi một (01) ngày, Hội đồng thi triệu tập thí sinh để phổ biến nội quy thi, phát phiếu dự thi, điều chỉnh những sai sót về thông tin của thí sinh và thông tin khác có liên quan.

c) Địa điểm tổ chức thi: Hội đồng thi quyết định địa điểm thi tập trung hoặc theo các vùng, theo địa phương đảm bảo thuận lợi cho thí sinh đăng ký dự thi.

---

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 51/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2017.

d) Chi phí dự thi: Thí sinh phải nộp chi phí cho mỗi môn đăng ký dự thi theo thông báo của Hội đồng thi.

4. Xử lý vi phạm đối với thí sinh dự thi

a) Cảnh cáo hoặc lập biên bản vi phạm đối với thí sinh có hành vi chép bài của thí sinh khác hoặc cho thí sinh khác chép bài của mình.

- Vi phạm lần 1: Bị cảnh cáo trước phòng thi.

- Vi phạm lần 2: Bị lập biên bản cảnh cáo và trừ 20% điểm thi của môn thi đó.

- Vi phạm lần 3: Bị lập biên bản đình chỉ môn thi và không công nhận kết quả môn thi đó.

b) Đình chỉ thi và hủy kết quả của cả kỳ thi nếu thí sinh dự thi có một trong các hành vi vi phạm sau:

- Mang vào phòng thi tài liệu và các vật dụng bị cấm mang vào phòng thi trong thời gian từ lúc bắt đầu phát đề thi đến hết giờ làm bài (đã hoặc chưa sử dụng).

- Sử dụng tài liệu liên quan đến việc làm bài thi và các phương tiện thu phát thông tin dưới bất kỳ hình thức nào, kể cả trong và ngoài phòng thi.

- Nhận bài giải sẵn của người khác (đã hoặc chưa sử dụng).

- Chuyển giấy nháp hoặc bài thi cho thí sinh khác hoặc nhận giấy nháp hoặc bài thi của thí sinh khác.

- Cố tình không nộp bài thi, dùng bài thi hoặc giấy nháp của người khác để nộp làm bài thi của mình.

c) Hủy kết quả thi và cấm dự thi hai (02) kỳ thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế được tổ chức tiếp sau đó, nếu có một trong các hành vi vi phạm sau:

- Hành hung giám thị, giám khảo, người phục vụ của các Hội đồng coi thi, chấm thi, phúc khảo.

- Gây rối làm mất trật tự an ninh ở khu vực coi thi, gây hậu quả nghiêm trọng cho kỳ thi.

- Khai man hồ sơ thi hoặc nhờ người thi hộ.

5. Kết quả thi, bảo lưu kết quả thi và phúc khảo kết quả thi

a) Môn thi đạt yêu cầu là môn thi đạt điểm từ 5 điểm trở lên chấm theo thang điểm 10.

b) Thí sinh có kết quả thi đạt yêu cầu bao gồm:

- Thí sinh dự thi đạt yêu cầu cả hai (02) môn thi.

- Thí sinh dự thi đạt yêu cầu môn thi pháp luật về thuế (đối với trường hợp thí sinh dự thi được miễn môn thi kế toán).

- Thí sinh dự thi đạt yêu cầu môn thi kế toán (đối với trường hợp thí sinh dự thi được miễn môn thi pháp luật về thuế).

c) Người dự thi chưa dự thi đủ các môn thi hoặc có môn thi chưa đạt được Chủ tịch Hội đồng thi cấp giấy chứng nhận điểm thi làm cơ sở để lập hồ sơ thi tiếp môn chưa thi hoặc thi chưa đạt tại các kỳ thi tiếp.

d) Công bố kết quả thi: Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ thi tuyển, Hội đồng thi phải công bố kết quả thi trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày công bố kết quả thi, Hội đồng thi cấp cho người dự thi giấy chứng nhận điểm thi theo mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

Giấy chứng nhận điểm thi được gửi cho thí sinh qua đường bưu điện theo hình thức thư bảo đảm; trường hợp thí sinh đến nhận giấy chứng nhận điểm thi trực tiếp tại cơ quan thuế thì phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân, ký nhận vào danh sách cấp giấy chứng nhận điểm thi.

đ) Bảo lưu kết quả thi: Các môn thi đạt yêu cầu được bảo lưu ba (03) năm liên tục tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận điểm thi và giấy chứng nhận điểm phúc khảo (nếu có) do Hội đồng thi thông báo.

e) Phúc khảo kết quả thi:

Thời hạn nhận đơn đề nghị phúc khảo tối đa là ba mươi (30) ngày kể từ ngày công bố kết quả thi. Ngày nhận đơn phúc khảo là ngày cán bộ trực tiếp nhận đơn phúc khảo hoặc ngày đóng dấu bưu điện nơi thí sinh gửi đơn phúc khảo. Sau thời gian quy định trên, đơn đề nghị phúc khảo sẽ không được giải quyết.

Hội đồng thi tổ chức phúc khảo bài thi. Chủ tịch Hội đồng thi phê duyệt kết quả phúc khảo và thông báo kết quả phúc khảo (theo mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư này) cho thí sinh biết trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn đề nghị phúc khảo; kết quả phúc khảo được lưu trữ và bảo quản theo hồ sơ thi.

Điều 14. Miễn môn thi

1. Miễn thi môn kế toán

a) Người đăng ký dự thi đã có chứng chỉ hành nghề kế toán, chứng chỉ kiểm toán viên do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Bộ Tài chính

b) Người đã làm giảng viên của môn học kế toán tại các trường đại học, cao đẳng có thời gian công tác liên tục từ năm (05) năm trở lên, sau khi thôi làm giảng viên (không bao gồm trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc) mà đăng ký dự thi lấy chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc.

c) Người đã làm việc trong lĩnh vực kế toán tại các tổ chức như: cơ quan quản lý Nhà nước, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có trình độ từ cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán hoặc kiểm toán và có thời gian công tác trong lĩnh vực kế toán liên tục từ năm (05) năm trở lên, trừ đối tượng là cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật.

2. Miễn thi môn pháp luật về thuế

a)[9] Công chức thuế, viên chức thuế có ngạch công chức, viên chức từ chuyên viên thuế, kiểm tra viên cao đẳng thuế, giảng viên trở lên và có thời gian công tác trong ngành thuế từ ba (03) năm trở lên khi thôi công tác trong ngành thuế (không bao gồm trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc) mà đăng ký dự thi lấy chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc.

b) Người đã tốt nghiệp Đại học chuyên ngành pháp luật kinh tế và có chứng chỉ hành nghề luật sư do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Bộ Tư pháp.

c) Người đã làm giảng viên của môn học về thuế tại các trường đại học, cao đẳng có thời gian công tác liên tục từ năm (05) năm trở lên, sau khi thôi làm giảng viên (không bao gồm trường hợp bị kỉ luật buộc thôi việc) mà đăng ký dự thi lấy chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc.

---

[9] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 51/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2017.

3.[10] Miễn thi hai (02) môn: Pháp luật về thuế và Kế toán

a) Người có Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kế toán do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Công chức thuế, viên chức thuế có ngạch công chức, viên chức từ chuyên viên thuế, kiểm tra viên cao đẳng thuế, giảng viên trở lên và có thời gian công tác liên tục trong ngành thuế từ năm (05) năm trở lên, khi thôi công tác trong ngành thuế (không bao gồm trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc) trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc mà đăng ký với Tổng cục Thuế để xét cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế...

Điều 15. Cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế

1. Cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế cho người dự thi có kết quả thi đạt yêu cầu.

Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế do Tổng cục Thuế thống nhất phát hành và quản lý (theo mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư này). Tổng cục Thuế cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế cho các thí sinh có kết quả thi đạt yêu cầu sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày công bố kết quả thi chính thức. Khi đến nhận chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế tại cơ quan thuế, thí sinh phải xuất trình Giấy chứng minh nhân dân và ký nhận vào danh sách cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

2. Cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế đối với trường hợp được miễn cả hai (02) môn thi.

2.1. Hồ sơ đăng ký xin cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, người đăng ký xin cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế nộp một (01) bộ hồ sơ, bao gồm:

a) Đơn đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế thuộc các trường hợp theo mẫu số 06a, 06b ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

---

[10] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 51/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2017.

c) Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành quy định (bản sao có chứng thực).

d) Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (đối với người nước ngoài) (bản sao có chứng thực).

đ) Hai (02) ảnh mầu cỡ 3 x 4 chụp trong thời gian sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

e)[11] Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kế toán do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Bộ Tài chính (bản sao có chứng thực) đối với đối tượng được miễn theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 Thông tư này; Giấy xác nhận số năm công tác chuyên môn của đơn vị mà người dự thi đã công tác tại đó hoặc Sổ bảo hiểm xã hội của người dự thi (bản sao có chứng thực) đối với đối tượng được miễn theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Thông tư này.

2.2. Hồ sơ đăng ký xin cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế được nộp trực tiếp tại Tổng cục Thuế hoặc nộp qua đường bưu chính.

2.3. Cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

Tổng cục Thuế tổ chức cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế (theo mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư này) cho các thí sinh được miễn cả hai (02) môn thi trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày người đăng ký xin cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế nộp đủ hồ sơ theo quy định tại Điểm 2.1, Khoản 2, Điều 15 Thông tư này. Khi đến nhận chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế tại cơ quan thuế, người đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế phải xuất trình Giấy chứng minh nhân dân và ký nhận vào danh sách cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

Chương VI
KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 16. Khen thưởng

Đại lý thuế, nhân viên đại lý thuế thực hiện tốt các quy định pháp luật về thuế và quy định tại Thông tư này sẽ được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước.

---

[11] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 51/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2017.

Điều 17. Xử lý vi phạm

1. Xử lý vi phạm đối với đại lý thuế

a. Đại lý thuế bị đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ điều kiện làm đại lý thuế theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

- Không cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan thuế.

- Tiết lộ thông tin gây thiệt hại vật chất, tinh thần, uy tín của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đại lý thuế, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đại lý thuế đồng ý hoặc pháp luật có quy định.

- Tuyển dụng, sử dụng, quản lý nhân viên hành nghề đại lý thuế không đúng theo quy định tại Thông tư này.

Cục Thuế quản lý trực tiếp ra quyết định đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế theo mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư này. Quyết định đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế được lập thành ba (03) bản, một (01) bản gửi đại lý thuế, một (01) bản gửi Tổng cục Thuế, một (01) bản lưu tại Cục Thuế ra quyết định.

Tổng cục Thuế đăng tải công khai danh sách đại lý thuế bị đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế và xóa tên khỏi danh sách công khai đại lý thuế đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b. Thời gian bị đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế kể từ khi phát hiện các hành vi trên cho đến khi đại lý thuế khắc phục xong hậu quả. Nếu đại lý thuế có đủ điều kiện hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế và muốn tiếp tục hoạt động thì phải lập lại hồ sơ đăng ký hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế gửi Cục Thuế nơi đại lý thuế đóng trụ sở chính theo quy định tại Khoản 1, Điều 7 Thông tư này.

2. Xử lý vi phạm đối với nhân viên đại lý thuế

a) Nhân viên đại lý thuế bị đình chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế một (01) năm trong các trường hợp sau:

- Cho người khác mượn hoặc sử dụng chứng chỉ hành nghề của người khác hoặc hành nghề tại hai (02) đại lý thuế trở lên trong cùng một khoảng thời gian.

- Hành nghề khi chưa có tên trong danh sách nhân viên hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Cục Thuế quản lý thuế trực tiếp ra quyết định đình chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế theo mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư này. Quyết định đình chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế được lập thành bốn (04) bản, một bản (01) gửi đại lý thuế, một bản (01) gửi Tổng cục Thuế, một bản (01) gửi cá nhân bị thu hồi chứng chỉ, một bản (01) lưu tại Cục Thuế ra quyết định.

Tổng cục Thuế đăng tải công khai danh sách nhân viên đại lý thuế bị đình chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế và xóa tên khỏi danh sách công khai nhân viên đại lý thuế hành nghề trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b) Nhân viên đại lý thuế và người được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế bị thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế trong các trường hợp sau:

- Có hành vi thông đồng, giúp người nộp thuế trốn thuế, gian lận thuế bị kết án bằng một bản án có hiệu lực về tội trốn thuế (được quy định tại Điều 161 Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 15/1999/QH10 ngày 21/12/1999).

- Phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả trong hồ sơ thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

Tổng cục Thuế ra quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế theo mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư này. Quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế được lập thành bốn (04) bản, một (01) bản gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp đại lý thuế, một (01) bản gửi cá nhân bị thu hồi chứng chỉ, một (01) bản gửi đại lý thuế, một (01) bản lưu tại Tổng cục Thuế.

Tổng cục Thuế đăng tải công khai danh sách nhân viên đại lý thuế bị thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế và xóa tên khỏi danh sách công khai nhân viên đại lý thuế hành nghề trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Hiệu lực thi hành[12]

[12] Điều 3 Thông tư số 51/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2017 quy định như sau:

"Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2017.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 và thay thế Thông tư số 28/2008/TT-BTC ngày 03/4/2008 của Bộ Tài chính.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Cơ quan thuế các cấp có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn nội dung Thông tư này tới người nộp thuế và đại lý thuế trên địa bàn.

2. Tổ chức, cá nhân, người nộp thuế thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này thực hiện đầy đủ các hướng dẫn tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để được hướng dẫn giải quyết kịp thời./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 12/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2018

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Những hồ sơ đề nghị xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế, hoặc hồ sơ đăng ký dự thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, hoặc hồ sơ xét cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo Thông tư số 117/2012/TT-BTC.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để được hướng dẫn giải quyết kịp thời./.”

Mẫu số: 01A[13]
(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2017/TT-BTC ngày 19/5/2017)

DOANH NGHIỆP..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../..... *....., ngày..... tháng..... năm 201...*
V/v Xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế

Kính gửi: Cục Thuế.....

Căn cứ khoản 1 Điều 7 Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19/7/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế và Thông tư số...../2017/TT-BTC ngày...../5/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 117/2012/TT-BTC; Doanh nghiệp....., mã số thuế..... tự xét thấy đã đáp ứng đủ các điều kiện hoạt động đại lý thuế.

Đề nghị Cục Thuế xác nhận Doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế theo quy định.

Hồ sơ gửi kèm:

- Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (1) có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp;

- Bản chụp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế của các nhân viên làm việc tại Doanh nghiệp;

- Mẫu chữ ký của người có thẩm quyền của Doanh nghiệp được ký tên trên hồ sơ đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, khiếu nại về thuế, hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, các hồ sơ khác có liên quan theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các quy định của pháp luật có liên quan;

Mẫu chữ ký của người có thẩm quyền của Doanh nghiệp (Chi nhánh Doanh nghiệp) được ký tên trên hồ sơ thực hiện các dịch vụ làm thủ tục về thuế:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Mẫu chữ ký	Ghi chú
01	Nguyễn Văn A			
02	.....			

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:....

[13] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 51/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2017.

Mẫu số: 02
(Ban hành kèm theo Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19/7/2012 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ **CỤC THUẾ.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../XN-...	*....., ngày..... tháng... năm 20...*

XÁC NHẬN
Về việc đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số...../TT-BTC ngày...../...../20..... của Bộ Tài chính hướng dẫn về hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế;

Xét đề nghị của.....,

XÁC NHẬN:

Đại lý thuế:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp..... nơi cấp.....

Đã đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế từ ngày.....

Đại lý thuế..... có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của Luật Quản lý thuế, Thông tư số...../TT-BTC ngày...../TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế./.

Nơi nhận: - Đại lý thuế...; - Tổng cục Thuế; - Lưu: VT,... (3b).	**CỤC TRƯỞNG** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số: 03
(Ban hành kèm theo Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19/7/2012 của Bộ Tài chính)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN **ĐẠI LÝ THUẾ.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số :...../TB-....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Về danh sách nhân viên đại lý thuế mới được tuyển dụng

Đại lý thuế....., mã số thuế....., địa chỉ..... thông báo danh sách nhân viên đại lý thuế mới được tuyển dụng và hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế như sau:

TT	Họ và tên	Năm sinh		Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu		Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế	
		Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Số	Ngày

Đại lý thuế cam kết các nhân viên trên có đủ điều kiện để hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế và xin chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng nhân viên hành nghề theo đúng quy định hiện hành của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Cục Thuế.....;
- Lưu:...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA ĐẠI LÝ THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số: 04
(Ban hành kèm theo Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19/7/2012 của Bộ Tài chính)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
ĐẠI LÝ THUẾ.....

Số:...../TB-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO
Về danh sách nhân viên đại lý thuế giảm

Đại lý thuế....., mã số thuế....., địa chỉ..... thông báo danh sách số nhân viên đại lý thuế hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế giảm do <thuyên chuyển, nghỉ việc, bị thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế...>, cụ thể:

TT	Họ và tên	Giấy chứng minh nhân dân		Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế		Lý do
		Số	Ngày	Số	Ngày	
1						
2						
	...					

Nơi nhận:
- Cục Thuế.....;
- Lưu:...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA ĐẠI LÝ THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số: 05
(Ban hành kèm theo Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19/7/2012 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh (viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)
..... Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
2. Ngày, tháng, năm sinh ☐☐ ☐☐ ☐☐
(Nếu ngày, tháng nhỏ hơn 10 ghi số 0 vào ô đầu, năm ghi 2 số cuối)
3. Trình độ chuyên môn ngành:.....
4. Nơi cấp bằng chuyên môn:.....
.....
5. Năm tốt nghiệp (Ghi đủ 4 chữ số của năm tốt nghiệp vào ô) ☐☐☐☐
6. Thời gian làm việc theo chuyên ngành: .....
từ..... đến..... tại.....
từ..... đến..... tại.....
7. Số chứng minh nhân dân/Hộ chiếu (ghi mỗi số vào 1 ô) ☐☐☐☐☐☐☐☐☐
ngày cấp...../...../..... nơi cấp .....
8. Khi cần báo tin cho ai, ở đâu: .....
Điện thoại (bắt buộc):..... Di động:..... Email:.....
Địa chỉ nhận thư:.....
.....
.....
9. Đăng ký môn dự thi:
☐ Pháp luật về thuế (lần.....)
☐ Kế toán (lần.....)
10. Đăng ký dự thi tại: .....
11. Môn thi đề nghị xét miễn:
12. Môn thi đã đạt của các kỳ thi trước:

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

..... ngày..... tháng..... năm 20.....
Chữ ký của thí sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 06a
(Ban hành kèm theo Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19/7/2012 của Bộ Tài chính)

(Dùng cho trường hợp người có giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Bộ Tài chính được miễn cả hai (02) môn thi theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 14)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Kính gửi: Tổng cục Thuế

Họ và tên (chữ in hoa):..... Nam/Nữ.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số....., ngày cấp....., nơi cấp.....

Quê quán:.....

Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp:...<Tiến sỹ, thạc sỹ, đại học, cao đẳng>

Chuyên ngành..... năm.....

Giấy xác nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số..... ngày..... cơ quan cấp.....

Sau khi xem xét có đủ điều kiện quy định tại Thông tư số...../TT-BTC ngày....., tôi làm đơn xin đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế. Tôi xin cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Luật Quản lý Thuế và Thông tư số.../TT-BTC ngày... của Bộ Tài chính hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

Kính đề nghị Tổng cục Thuế xem xét, chấp thuận./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 06b
(Ban hành kèm theo Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19/7/2012 của Bộ Tài chính)

(Dùng cho trường hợp công chức thuế được miễn cả hai (02) môn thi theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 14)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Kính gửi: Tổng cục Thuế

Họ và tên (chữ in hoa):..... Nam/Nữ.....
Ngày tháng năm sinh:.....
CMT số..... cấp ngày..... Cấp tại.....
Quê quán:.....
Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp:...<Tiến sỹ, thạc sỹ, đại học, cao đẳng>
Chuyên ngành..... năm.....
Hiện đã nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc chuyển công tác từ ngày..... tháng..... năm.....
Quá trình làm việc tại cơ quan thuế:

Thời gian công tác tại cơ quan thuế	Ngạch công chức thuế	Ghi chú
- Từ năm..... - Đến năm.....		

Sau khi xem xét có đủ điều kiện quy định tại Thông tư số...../TT-BTC ngày....., tôi làm đơn xin đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế. Tôi xin cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Luật Quản lý Thuế và Thông tư số.../TT-BTC ngày... của Bộ Tài chính hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

Kính đề nghị Tổng cục Thuế xem xét, chấp thuận./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của cơ quan thuế(1)	**Người làm đơn**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Cơ quan thuế các cấp nơi người làm đơn công tác trước khi nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc chuyển công tác. Nội dung xác nhận thời gian công tác liên tục từ tháng.... năm.... đến tháng... năm.....

Mẫu số: 07
(Ban hành kèm theo Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19/7/2012 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GCN-TCT

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
Điểm thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế năm.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Chủ tịch Hội đồng thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế công nhận kết quả thi năm..... tổ chức tại.....

CHỨNG NHẬN:

Ông/Bà:.....

Năm sinh:..... Số báo danh:.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp.....

Điểm thi các môn như sau:

STT	Môn thi	Điểm thi
1	Pháp luật về thuế	
2	Kế toán	
	Cộng	

Giấy chứng nhận điểm thi có giá trị để lập hồ sơ thi tiếp các môn chưa thi, thi lại các môn thi chưa đạt yêu cầu./.

Nơi nhận:
- Thí sinh;
- Lưu: HĐT.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số: 08
(Ban hành kèm theo Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19/7/2012 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GCN-TCT

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
Điểm phúc khảo cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế năm .....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Chủ tịch Hội đồng thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế công nhận kết quả thi năm..... tổ chức tại.....

CHỨNG NHẬN:

Ông/Bà:.....

Năm sinh:..... Số báo danh:.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp.....

Điểm phúc khảo như sau:

STT	Môn thi	Điểm phúc khảo
1	Pháp luật về thuế	
2	Kế toán	

Giấy chứng nhận điểm phúc khảo có giá trị để lập hồ sơ thi tiếp các môn chưa thi, thi lại các môn thi chưa đạt yêu cầu./.

Nơi nhận:
- Thí sinh;
- Lưu: HĐT.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số: 09
(Ban hành kèm theo Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19/7/2012 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ
GENERAL DEPARTMENT OF TAXATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
3 x 4

Số chứng chỉ/No
.....

Chữ ký của người được cấp chứng chỉ
/
Signature of certificate receiver:
.....

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ/CERTIFICATE FOR PRACTISING SERVICE ON TAX PROCEDURE
TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ/
THE DIRECTOR GENARAL OF GENERAL DEPARTMENT OF TAXATION

Cấp cho ông (Bà)/Hereby certities that Mr/Mrs:
.....
Năm sinh/Date of Birth:.....
Quê quán (Quốc tịch)/ Nationality:.....
Đạt kết quả loại:..... kỳ thi cấp chứng chỉ hành nghề do Tổng cục Thuế tổ chức vào tháng..... năm...../Has passed the examination for the Certificate for practising service on tax procedure which held by the General Department of Taxation in (month).....(year).....
Level:.....

Hà Nội, ngày... tháng... năm...
TỔNG CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL
(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 10
(Ban hành kèm theo Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19/7/2012 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ **CỤC THUẾ.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-...	*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế đối với đại lý thuế

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số...../TT-BTC ngày...../...../20..... của Bộ Tài chính hướng dẫn về hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế;

Xét đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế đối với đại lý thuế....., mã số thuế....., địa chỉ.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) đại diện hợp pháp của đại lý thuế, thủ trưởng đơn vị có liên quan thuộc Cục Thuế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Tổng cục Thuế; - Lưu: VT,....	**CỤC TRƯỞNG** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số: 11
(Ban hành kèm theo Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19/7/2012 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ **CỤC THUẾ.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-...	*....., ngày..... tháng... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế đối với nhân viên đại lý thuế

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số...../TT-BTC ngày...../...../20..... của Bộ Tài chính hướng dẫn về hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế;

Xét đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế trong thời gian một (01) năm đối với Ông (Bà)....., chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế số....., ngày cấp..... đang làm việc tại đại lý thuế....., mã số thuế....., địa chỉ.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Cá nhân có tên tại Điều 1, đại diện hợp pháp của đại lý thuế có tên tại Điều 1, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Cục Thuế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Tổng cục Thuế; - Lưu: VT,....	**CỤC TRƯỞNG** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số: 12
(Ban hành kèm theo Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19/7/2012 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC THUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-...	*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số...../TT-BTC ngày...../...../20..... của Bộ Tài chính hướng dẫn về hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế;

Xét đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế số..... của Ông (Bà).....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Cá nhân có tên tại Điều 1, trưởng bộ phận/đơn vị có liên quan tại Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Đại lý thuế.....; - Cục Thuế.....; - Lưu: VT,....	**TỔNG CỤC TRƯỞNG** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*